

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm đối với diện tích 102.000 m² đất cho Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam thuê đất tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả để quản lý thu hồi thiết bị trong hầm lò, đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường tại khu Yên Ngựa phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH ngày 29/11/2013;

Căn cứ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ qui định về giá đất; Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ qui định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ “V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước”;

Căn cứ: Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính “Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước”; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4781/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc gia hạn thời gian thuê đất và điều chỉnh người đứng tên

chủ sử dụng đất cho Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam (Chủ sử dụng đất xác định trước đây là Công ty than Thống Nhất – TKV) thuê đất để quản lý thu hồi thiết bị trong hầm lò, đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường tại khu Yên Ngựa, phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 18/TTr-TNMT ngày 03/01/2019; Thông báo kết quả thẩm định số 6169/TB-STC ngày 28/12/2018 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm đối với diện tích 102.000 m² đất cho Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam thuê đất tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả để quản lý thu hồi thiết bị trong hầm lò, đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường tại khu Yên Ngựa phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, như sau:

1. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp làm căn cứ tính thu tiền thuê đất theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm tính từ ngày 31/12/2018 đến hết ngày 31/12/2019 là: 230.000 đồng/m²;

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả chịu trách nhiệm toàn diện về phương án trình (Phương pháp tính giá đất, số liệu tính toán, việc khảo sát xác định giá trị đầu vào để xác định giá thuê đất của Dự án) đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2: Giao Cục Thuế tỉnh căn cứ mức giá quy định tại Điều 1, Quyết định này xác định, thông báo, đôn đốc Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam thực hiện các nội dung liên quan đến nghĩa vụ tài chính của Công ty đối với ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 3: Các ông, bà: Chánh văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và Ủy ban nhân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Cẩm Phả; Tổng giám đốc Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- CT, P1, P4 - UBND tỉnh;
- V0, QLĐĐ1,2,3;
- Lưu: VT, QLĐĐ2;
- Đ10 bản, QĐ14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thắng